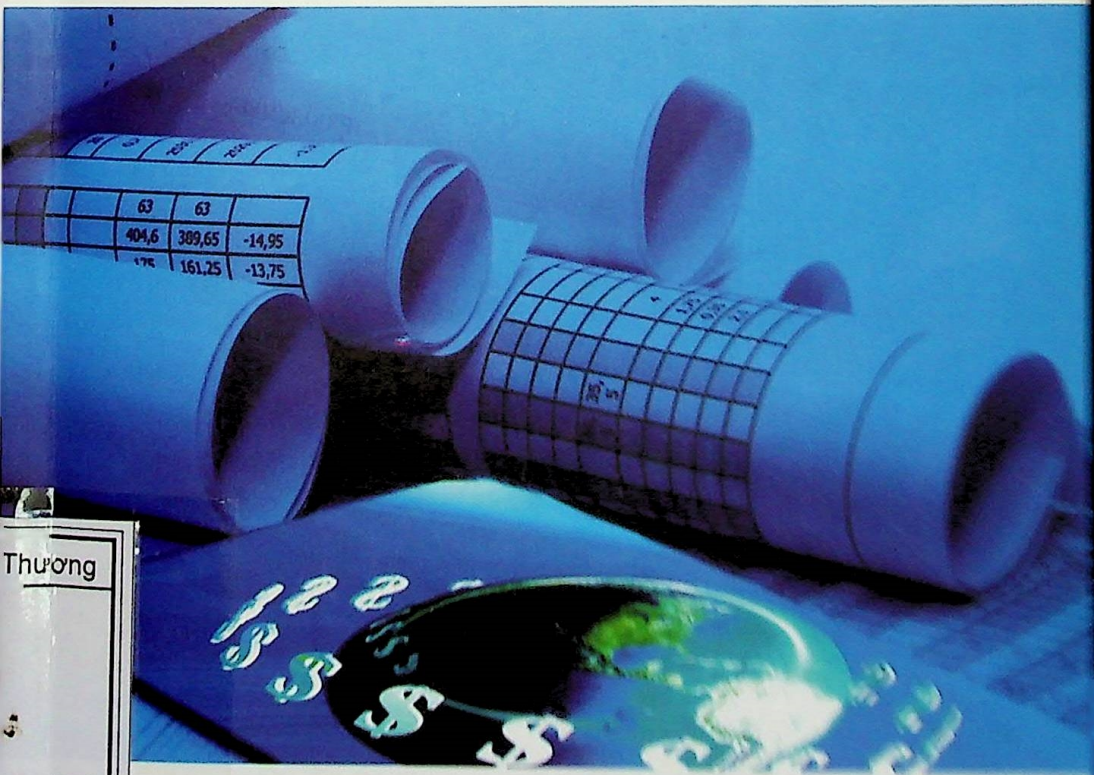


**CẨM NANG 280 QUY TẮC KIỂM TRA CHỨNG TỪ THANH TOÁN
THEO L/C TUÂN THỦ UCP 600**

ISBP 745 2013

Biên dịch: GS. Đinh Xuân Trình - PGS.TS. Đặng Thị Nhân

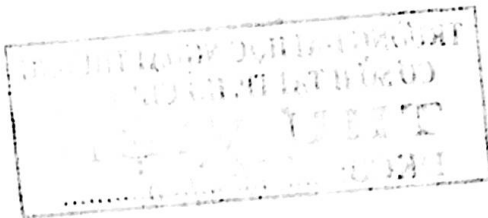


Thương



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2013

**TẬP QUẢN NGÂN HÀNG TIÊU CHUẨN
QUỐC TẾ ĐỂ KIỂM TRA CHỨNG TỪ
THEO UCP 600
ÁN PHẨM 745, SỬA ĐỔI 2013**



LỜI NÓI ĐẦU

Khoảng cách về không gian, thời gian của thương mại quốc tế so với thương mại nội địa đã sản sinh ra một phương thức thanh toán quốc tế ưu việt, thuận tiện, an toàn và đảm bảo trách nhiệm gắn với quyền lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thông qua vai trò quan trọng của các ngân hàng, đó là phương thức tín dụng chứng từ (Documentary Credits). Khi sử dụng tín dụng chứng từ, khả năng người xuất khẩu có được thanh toán hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chứng từ. Vì vậy đòi hỏi nhà xuất khẩu phải tuân thủ một cách chặt chẽ những quy định về chứng từ xuất trình. Các ngân hàng đại diện cho nhà nhập khẩu chi trả tiền khi bộ chứng từ xuất trình của người xuất khẩu phù hợp với thư tín dụng (L/C), với các điều khoản có thể áp dụng được của các tập quán và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP600 2007), phù hợp với Thực tiễn ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra chứng từ theo UCP600 (ISBP745 2013).

Tập quán và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (The Uniform Customs and Practices for the Documentary Credits - viết tắt là UCP) được ban hành năm 1933 và sửa đổi lần đầu tiên vào năm 1951. Nhìn chung, cứ 10 năm UCP lại được sửa đổi một lần cho phù hợp với sự phát triển và thay đổi của các ngành thương mại, ngân hàng, tài chính, giao nhận, bảo hiểm và vận tải. UCP được ban hành nhằm thống nhất các quy định trong hoạt động thanh toán quốc tế bằng thư tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tham gia hoạt động này. UCP600 2007 là bản qui tắc mới nhất hiện đang được áp dụng trong thanh toán tín dụng chứng từ.

Để làm rõ hơn các nội dung về chứng từ bổ sung cho UCP600, Phòng thương mại quốc tế tại Paris ICC đã ban hành bản quy tắc Tập quán Ngân hàng tiêu chuẩn quốc tế để kiểm tra chứng từ trong phương thức tín dụng chứng từ (International Standard Banking Practice for the examination of documents under documentary credits - gọi tắt là ISBP). ISBP đầu tiên ra đời năm 2002 mang số hiệu 645 áp dụng cho việc kiểm tra chứng từ theo UCP500. Sau khi ban hành UCP600, ICC đã xuất bản ấn phẩm ISBP681 2007 thay cho ấn phẩm cũ ISBP 645 2002. ISBP 681 đưa ra các quy tắc

kiểm tra chứng từ quy định trong L/C nhằm giúp đỡ các ngân hàng trong việc đưa ra quyết định bộ chứng từ có phù hợp hay không. ISBP 681 được áp dụng đương nhiên cùng với phiên bản UCP 600.

*Tuy nhiên, sau gần 7 năm áp dụng, ISBP 681, trong chừng mực nào đó, đã bộc lộ nhiều thiếu sót và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế về kiểm tra chứng từ theo L/C, do vậy, mới đây vào tháng 4 năm 2013 Ủy ban Ngân hàng của ICC đã thông qua bản ISBP sửa đổi mới với tên gọi mới là ISBP 745 (*International Standard Banking Practice for the Examination of Documents under UCP600 - ISBP 2013 ICC Publication No. 745*). Có thể nói ISBP 745 là phiên bản được sửa đổi cẩn thận hơn nhiều so với ISBP 681 cả về nội dung lẫn hình thức.*

ISBP745 gắn với UCP600 và cùng với UCP 600, ISBP 745 đã được biên soạn để lấp đầy khoảng cách giữa các nguyên tắc chung của UCP600 và thực hành hàng ngày. Tất cả các chuyên gia ngân hàng, các hãng dịch vụ vận tải, bảo hiểm, các luật gia và doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các trường đại học và các viện nghiên cứu trên toàn thế giới, các bên phải tiếp xúc với phương thức tín dụng chứng từ có thể sử dụng ISBP 745 2013 như một cuốn cẩm nang pháp lý cho thói quen tạo lập và kiểm tra chứng từ hàng ngày của họ.

Cuốn cẩm nang này được biên dịch nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của Trường Đại học Ngoại thương và các trường kinh tế; ngoài ra nó còn được dùng làm tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các ngân hàng, các cơ quan và độc giả có quan tâm đến lĩnh vực này.

Thay mặt nhóm biên dịch

GS. Đinh Xuân Trình

Nhà giáo ưu tú

Giảng viên cao cấp Đại học Ngoại thương
Ủy viên Trọng tài - Trung tâm Trọng tài
quốc tế Việt Nam bên cạnh VCCI

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 3 |
| MỞ ĐẦU | 11 |
| Phạm vi áp dụng | 11 |
| Yêu cầu phát hành Thư tín dụng và sửa đổi tiến dụng. Phát hành Thư tín dụng và mọi sửa đổi kèm theo..... | 11 |
| CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG | 13 |
| Các chữ viết tắt | 13 |
| Giấy chứng nhận, sự chứng nhận, lời khai và bản tuyên bố.... | 14 |
| Các bản sao các chứng từ vận tải quy định trong các Điều khoản 19 - 25 của UCP 600 | 14 |
| Sửa chữa và thay đổi..... | 15 |
| Biên lai chuyển phát, biên lai bưu điện và giấy chứng nhận bưu phẩm đối với việc gửi chứng từ, thông báo và tương tự | 16 |
| Ngày tháng | 17 |
| Các chứng từ và sự cần thiết phải điền vào trong một ô, khu vực hoặc nơi | 19 |
| Các chứng từ mà các Điều khoản về vận tải trong UCP 600 không điều chỉnh | 19 |
| Các thuật ngữ không được định nghĩa trong UCP 600 | 20 |
| Người phát hành các chứng từ..... | 22 |
| Ngôn ngữ | 22 |
| Tính toán | 23 |
| Lỗi chính tả hoặc đánh máy | 23 |
| Nhiều trang và các chứng từ kèm theo hoặc các phụ lục..... | 23 |
| Các điều kiện phi chứng từ và mâu thuẫn của dữ liệu | 24 |
| Các bản gốc và các bản sao..... | 24 |
| Các ký mã hiệu..... | 25 |

| | |
|---|-----------|
| Chữ ký | 26 |
| Tên của chứng từ và chứng từ kết hợp | 27 |
| HỒI PHIẾU VÀ CÁCH TÍNH NGÀY ĐÁO HẠN | 29 |
| Yêu cầu cơ bản | 29 |
| Thời hạn | 29 |
| Ngày đáo hạn | 31 |
| Ngày ngân hàng, ngày gia hạn, chuyển tiền chậm | 32 |
| Phát hành và ký hồi phiếu | 32 |
| Số tiền | 33 |
| Ký hậu | 34 |
| Sửa chữa và thay đổi | 34 |
| Hồi phiếu ký phát đòi tiền người yêu cầu | 34 |
| HÓA ĐƠN | 35 |
| Tên của hóa đơn | 35 |
| Người phát hành hóa đơn | 35 |
| Mô tả hàng hóa, các dịch vụ hoặc thực hiện và những vấn đề chung khác có liên quan đến hóa đơn | 35 |
| Giao hàng và thanh toán nhiều lần | 38 |
| CHỨNG TỪ VẬN TẢI CÓ ÍT NHẤT HAI PHƯƠNG THỨC VẬN CHUYỂN KHÁC NHAU THỰC HIỆN | 39 |
| Áp dụng Điều khoản 19 UCP 600 | 39 |
| Phát hành, Người chuyên chở, nhận dạng người chuyên chở và ký chứng từ vận tải đa phương thức | 40 |
| Ghi chú hàng đã bốc lên tàu, ngày giao hàng, nơi nhận, gửi, nhận để chở, cảng bốc hoặc cảng đến hàng không | 41 |
| Nơi đến cuối cùng, cảng dỡ hàng hoặc cảng đến hàng không | 43 |
| Bản gốc chứng từ vận tải đa phương thức | 43 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh, người gửi hàng và ký hậu và bên thông báo | 44 |
| Chuyển tải, giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều bộ các chứng từ vận tải đa phương thức được xuất trình | 45 |
| Chứng từ vận tải đa phương thức hoàn hảo | 46 |
| Mô tả hàng hóa | 47 |

| | |
|--|----|
| Tên và địa chỉ của đại lý giao hàng tại nơi đến..... | 47 |
| Sửa chữa và thay đổi..... | 48 |
| Cước phí và phụ phí | 48 |
| Giải tỏa hàng hóa với nhiều chứng từ vận tải đa phương thức đã được giao | 49 |
| VẬN TẢI ĐƠN | 50 |
| Áp dụng Điều khoản 20 của UCP 600 | 50 |
| Phát hành, người chuyên chở, nhận dạng người chuyên chở và ký vận tải đơn | 50 |
| Ghi chú đã bốc hàng, ngày giao hàng, chuyên chở chặng đầu, nơi nhận và cảng bốc hàng..... | 51 |
| Cảng dỡ hàng | 54 |
| Vận tải đơn gốc..... | 55 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh, người gửi hàng và ký hậu và bên thông báo..... | 55 |
| Chuyển tải, giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều bộ vận tải đơn được xuất trình..... | 56 |
| Vận tải đơn hoàn hảo..... | 57 |
| Mô tả hàng hóa | 58 |
| Tên và địa chỉ của đại lý giao hàng tại cảng dỡ hàng..... | 58 |
| Sửa chữa và thay đổi..... | 58 |
| Cước phí và phụ phí | 59 |
| Giải tỏa hàng hóa với việc xuất trình nhiều vận tải đơn | 59 |
| CHỨNG THƯ VẬN TẢI BIỂN KHÔNG CHUYÊN NHƯỢNG ĐƯỢC | 60 |
| Áp dụng Điều khoản 21 của UCP 600 | 60 |
| Phát hành, người chuyên chở, nhận dạng người chuyên chở và ký chứng thư vận tải biển không chuyên nhượng | 60 |
| Ghi chú đã bốc hàng, ngày giao hàng, chuyên chở chặng đầu, nơi nhận và cảng bốc hàng..... | 62 |
| Cảng dỡ hàng | 65 |
| Chứng thư vận tải biển không chuyển nhượng gốc | 65 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh, người gửi hàng và ký hậu và bên thông báo..... | 66 |

| | |
|---|-----------|
| Chuyển tài, giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều bộ chứng từ vận tải biển không chuyển nhượng được xuất trình | 67 |
| Chứng thư vận tải biển không chuyển nhượng hoàn hảo | 68 |
| Mô tả hàng hóa | 69 |
| Tên và địa chỉ của đại lý giao hàng tại cảng dỡ hàng..... | 69 |
| Sửa chữa và thay đổi..... | 69 |
| Cước phí và phụ phí | 70 |
| VẬN TẢI ĐƠN THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀU | 71 |
| Áp dụng Điều khoản 22 của UCP 600 | 71 |
| Ký vận tải đơn theo hợp đồng thuê tàu..... | 71 |
| Ghi chú đã bốc hàng, ngày giao hàng, chuyên chở chặng đầu, nơi nhận và cảng bốc hàng..... | 72 |
| Cảng dỡ hàng | 75 |
| Vận tải đơn theo hợp đồng thuê tàu gốc | 76 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh, người gửi hàng và ký hậu và bên thông báo..... | 76 |
| Giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều bộ vận tải đơn theo hợp đồng thuê tàu được xuất trình..... | 78 |
| Vận tải đơn theo hợp đồng thuê tàu hoàn hảo | 79 |
| Mô tả hàng hóa | 79 |
| Sửa chữa và thay đổi..... | 80 |
| Cước phí và phụ phí | 80 |
| Giải tỏa hàng hóa với việc xuất trình nhiều vận tải đơn theo hợp đồng thuê tàu | 81 |
| Các hợp đồng thuê tàu..... | 81 |
| CHỨNG TỪ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG | 82 |
| Áp dụng Điều khoản 23 của UCP 600 | 82 |
| Phát hành, người chuyên chở, nhận dạng người chuyên chở và ký chứng từ vận tải hàng không..... | 82 |
| Hàng hóa nhận chở, ngày giao hàng và yêu cầu đối với ngày giao hàng thực tế..... | 83 |
| Sân bay khởi hành và đến | 84 |

| | |
|---|-----------|
| Bản gốc chứng từ vận tải hàng không | 84 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh và bên thông báo | 84 |
| Chuyển tải, giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều chứng từ vận tải hàng không được xuất trình | 85 |
| Chứng từ vận tải hàng không hoàn hảo | 86 |
| Mô tả hàng hóa | 87 |
| Sửa chữa và thay đổi | 87 |
| Cước phí và phụ phí | 88 |
| CÁC CHỨNG TỪ VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT HOẶC ĐƯỜNG SÔNG | 89 |
| Phạm vi áp dụng Điều khoản 24 UCP 600 | 89 |
| Người chuyên chở, nhận dạng người chuyên chở và ký các chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt hoặc đường sông | 89 |
| Nơi gửi hàng và nơi đến | 90 |
| Bản gốc thứ nhất và thứ hai của chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt hoặc đường sông | 90 |
| Người nhận hàng, bên ra lệnh và bên thông báo | 91 |
| Chuyển tải, giao hàng từng phần và xác định thời gian xuất trình nếu nhiều chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt hoặc đường sông được xuất trình | 92 |
| Chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt hoặc đường sông hoàn hảo | 94 |
| Mô tả hàng hóa | 94 |
| Sửa chữa và thay đổi | 94 |
| Cước phí | 95 |
| CHỨNG TỪ BẢO HIỂM VÀ BẢO HIỂM | 96 |
| Áp dụng Điều khoản 28 UCP 600 | 96 |
| Người phát hành, ký và bản gốc của chứng từ bảo hiểm | 96 |
| Ngày tháng | 97 |
| Số tiền bảo hiểm và tỷ lệ bảo hiểm | 98 |
| Các rủi ro được bảo hiểm | 99 |
| Bên được bảo hiểm và ký hậu | 99 |

| | |
|--|-----|
| Các điều kiện và điều khoản chung của một chứng từ bảo hiểm..... | 100 |
| Phí bảo hiểm | 100 |
| GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ | 101 |
| Những yêu cầu cơ bản và chức năng của nó..... | 101 |
| Người phát hành một giấy chứng nhận xuất xứ | 101 |
| Nội dung của một giấy chứng nhận xuất xứ | 102 |
| PHIẾU BAO GÓI | 104 |
| Yêu cầu cơ bản và chức năng của nó | 104 |
| Người phát hành phiếu bao gói hàng hóa | 104 |
| Nội dung của phiếu bao gói | 104 |
| PHIẾU KÊ KHAI TRỌNG LƯỢNG | 105 |
| Yêu cầu cơ bản và chức năng của nó | 105 |
| Người phát hành phiếu kê khai trọng lượng | 105 |
| Nội dung của phiếu kê khai..... | 105 |
| GIẤY CHỨNG NHẬN CỦA NGƯỜI THỤ HƯỞNG | 106 |
| Yêu cầu cơ bản và chức năng của nó | 106 |
| Ký giấy chứng nhận của người thụ hưởng | 106 |
| Nội dung của giấy chứng nhận của người thụ hưởng..... | 106 |
| CÁC LOẠI GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN TÍCH, GIÁM ĐỊNH, SỨC KHỎE, KIỂM DỊCH THỰC VẬT, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN KHÁC | 107 |
| Yêu cầu cơ bản và chức năng của nó | 107 |
| Người phát hành giấy chứng nhận | 107 |
| Các nội dung của một giấy chứng nhận..... | 108 |

CẨM NANG
280 QUY TẮC KIỂM TRA
CHỨNG TỪ THANH TOÁN THEO L/C
TUÂN THỦ UCP 600 - ISBP 745 2013

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Võ Thị Kim Thanh

Chịu trách nhiệm nội dung:

GS TS Đinh Xuân Trình
PGS TS Đặng Thị Nhàn

Biên tập:

Hoàng Thanh Dung

Chế bản và sửa bản in:

hoasach.,jsc

In 1.000 cuốn khổ 14x24cm tại Công ty CP Hoa Sách - ĐB.

Giấy ĐKKHXB số: 1614-2013/CXB/07-176.

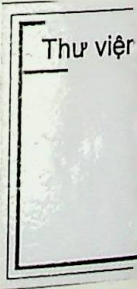
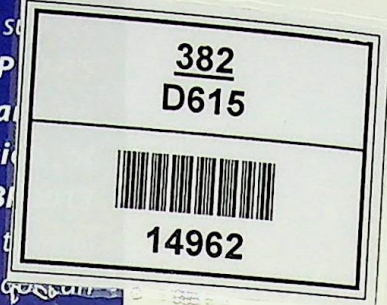
Giấy phép XB số: 628/QĐLK-LĐ do NXB Lao động cấp ngày 06 tháng 11 năm 2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2013.

* Tháng 4 năm 2013 Ủy ban Ngân hàng của ICC đã thông qua bản ISBP với tên gọi mới là **ISBP (International Standard Banking Practice for the Examination of Documents under UCP600 - ISBP ICC Publication No. 745)**. Có thể nói ISBP 745 là phiên bản được sửa đổi kỹ lưỡng hơn nhiều so với ISBP 681 cả về nội dung lẫn hình thức.

ISBP 745 gắn với UCP600 và cùng với UCP 600, ISBP 745 đã được biên soạn để lấp đầy khoảng cách giữa các nguyên tắc chung của UCP600 và thực hành hàng ngày. Tất cả các chuyên gia ngân hàng, các hãng dịch vụ vận tải, bảo hiểm, các luật gia và doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các trường đại học và các viện nghiên cứu trên toàn thế giới, các bên phải tiếp xúc với phương thức tín dụng chứng từ có thể sử dụng ISBP 745 2013 như một cuốn cẩm nang pháp lý cho thói quen tạo lập và kiểm tra chứng từ hàng ngày của họ.

* ISBP 745 gồm cả phần tiếng Anh ở Phụ lục nên rất thuận tiện cho sử dụng, tra cứu và học ngoại ngữ.



Giá: 59.000đ